



Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định số 2405/QĐ-CT.UB **ngày 5 tháng 8 năm 2004**

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy phép Kinh doanh Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy phép Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 13 tháng 9 năm 2011.

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Chánh Đạo	Thành viên
	Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
	Ông Lê Đình Bửu Trí	Thành viên
	Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Ánh Như	Trưởng ban
	Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên
	Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên

Trụ sở đăng ký 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán trước hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-203



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 15 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.313.661.016.517	1.302.520.507.651
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	367.470.471.515	577.662.484.017
Tiền	111		253.806.115.800	240.854.167.440
Các khoản tương đương tiền	112		113.664.355.715	336.808.316.577
Các khoản phải thu	130	4	455.594.547.921	395.567.418.981
Phải thu khách hàng	131		320.045.947.907	277.351.032.058
Trả trước cho người bán	132		78.175.999.715	27.899.031.185
Các khoản phải thu khác	135		58.935.844.374	94.904.742.807
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.563.244.075)	(4.587.387.069)
Hàng tồn kho	140	5	474.744.126.949	324.767.325.307
Hàng tồn kho	141		479.219.007.611	327.733.293.418
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.474.880.662)	(2.965.968.111)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.851.870.132	4.523.279.346
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		898.817.101	744.140.787
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.296.209.672	-
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	6	4.094.359.356	110.460.634
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.562.484.003	3.668.677.925

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản dài hạn	200		527.395.562.662	397.469.914.656
Tài sản cố định	220		430.525.318.827	284.742.224.040
Tài sản cố định hữu hình	221	7	229.545.041.047	149.381.576.094
Nguyên giá	222		402.612.259.283	283.266.523.936
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.067.218.236)	(133.884.947.842)
Tài sản cố định vô hình	227	8	156.164.943.736	127.728.195.760
Nguyên giá	228		162.000.725.488	131.744.976.812
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.835.781.752)	(4.016.781.052)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	44.815.334.044	7.632.452.186
Bất động sản đầu tư	240	10	5.816.300.361	6.456.882.120
Nguyên giá	241		7.790.891.262	7.784.646.717
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.974.590.901)	(1.327.764.597)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	65.224.618.750	82.537.020.975
Đầu tư vào công ty con	251		50.550.000.000	50.550.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		23.787.450.000	37.287.450.000
Đầu tư dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(21.013.881.450)	(17.201.479.225)
Tài sản dài hạn khác	260		25.829.324.724	23.733.787.521
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.398.249.520	21.302.335.442
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27	3.300.000.000	821.476.627
Tài sản dài hạn khác	268		2.131.075.204	1.609.975.452
TỔNG TÀI SẢN	270		1.841.056.579.179	1.699.990.422.307

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		533.556.734.235	485.158.158.588
Nợ ngắn hạn	310		475.686.495.838	426.202.287.683
Vay ngắn hạn	311	13	21.115.601.324	12.802.412.973
Phải trả người bán	312	14	131.796.776.369	92.260.051.435
Người mua trả tiền trước	313		589.540.651	1.213.856.155
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	15.214.638.784	34.880.141.307
Phải trả người lao động	315		102.490.566.716	83.051.402.645
Chi phí phải trả	316	16	151.717.148.092	158.693.025.840
Các khoản phải trả khác	319		15.448.696.524	19.688.076.094
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	37.313.527.378	23.613.321.234
Nợ dài hạn	330		57.870.238.397	58.955.870.905
Doanh thu chưa thực hiện	333		-	119.417.273
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	33.464.925.600	20.978.663.130
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	19	24.405.312.797	37.857.790.502
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.307.499.844.944	1.214.832.263.719
Vốn chủ sở hữu	410		1.307.499.844.944	1.214.832.263.719
Vốn cổ phần	411	20	651.764.290.000	269.129.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	378.761.392.824
Cổ phiếu quỹ	414	20	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư phát triển	416		281.459.992.012	187.595.334.349
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.026.578.871	59.884.587.817
Lợi nhuận chưa phân phối	420		308.704.834.061	319.917.178.729
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.841.056.579.179	1.699.990.422.307

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

15 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	21	2.316.844.382.257	1.968.962.298.723
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(13.424.152.094)	(16.036.691.738)
Doanh thu thuần	10	21	2.303.420.230.163	1.952.925.606.985
Giá vốn hàng bán	11	22	(1.287.971.387.880)	(1.047.588.075.500)
Lợi nhuận gộp	20		1.015.448.842.283	905.337.531.485
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	104.604.545.496	55.561.451.500
Chi phí tài chính	22	24	(17.028.315.476)	(15.935.677.592)
Chi phí bán hàng	24		(503.386.091.979)	(451.649.344.222)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(144.746.562.654)	(104.310.935.276)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		454.892.417.670	389.003.025.895
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	25	12.581.644.856	12.920.794.947
Chi phí khác	32	26	(14.816.156.650)	(9.414.667.885)
Lợi nhuận trước thuế	50		452.657.905.876	392.509.152.957
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	27	(53.621.237.575)	(45.689.142.228)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	27	2.478.523.373	-
Lợi nhuận thuần	60		401.515.191.674	346.820.010.729
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	6.167	5.353

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạt
Phó Tổng Giám đốc

15 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.217.739.831	29.662.409.519	294.026.469.730	972.887.231.904
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(136.800.000)	-	-	-	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	-	91.350.000	-	-	-	91.350.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	346.820.010.729	346.820.010.729
Cổ tức	-	-	-	-	-	(66.880.340.000)	(66.880.340.000)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	183.377.594.518	30.222.178.298	(213.599.772.816)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(30.222.178.298)	(30.222.178.298)
Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(10.227.010.616)	(10.227.010.616)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	187.595.334.349	59.884.587.817	319.917.178.729	1.214.832.263.719
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Cổ phiếu thưởng	380.134.670.000	(378.761.392.824)	-	(1.373.277.176)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	401.515.191.674	401.515.191.674
Cổ tức (thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(260.665.196.000)	(260.665.196.000)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	95.237.934.839	6.141.991.054	(101.379.925.893)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(41.375.186.813)	(41.375.186.813)
Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(9.307.227.636)	(9.307.227.636)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	651.764.290.000	-	(455.850.000)	281.459.992.012	66.026.578.871	308.704.834.061	1.307.499.844.944

Người lập:

Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc



15 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã	Thuyết	2011	2010
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		452.657.905.876	392.509.152.957
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		49.049.590.631	38.221.580.893
Các khoản dự phòng	03		11.374.403.641	14.165.182.763
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(1.503.979.614)	(782.480.754)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06		(93.599.746.975)	(51.688.344.612)
Lãi thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	05		(6.053.088.865)	-
Chi phí lãi vay	07		2.038.850.925	2.010.709.744
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		413.963.935.619	394.435.800.991
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(22.984.972.663)	(119.143.795.667)
Biến động hàng tồn kho	10		(151.485.714.193)	(30.884.941.674)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		56.311.524.568	58.500.311.020
Biến động chi phí trả trước ngắn hạn	12		(154.676.314)	(530.846.701)
			295.650.097.017	302.376.527.969
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.967.602.123)	(2.182.859.688)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(74.161.936.049)	(51.406.016.030)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(50.434.686.010)	(26.086.735.042)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		169.085.872.835	222.700.917.209

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã	Thuyết	2011	2010
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(247.679.055.576)	(107.830.283.229)
Tiền thu từ điều chỉnh giá mua quyền sử dụng đất	22		-	5.491.223.499
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	23		5.096.949.171	5.980.583.281
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	24		(1.035.537.465)	(5.095.308.180)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	25		5.999.720.820	-
Tiền thu từ tiền gửi kỳ hạn	26		-	10.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	27		-	(20.615.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	28		13.500.000.000	157.550.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	29		94.692.045.362	55.686.656.490
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(129.425.877.688)	(56.224.578.139)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		2.500.000.000	2.591.350.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(136.800.000)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		48.180.001.906	39.476.967.542
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.866.813.555)	(100.654.216.701)
Tiền trả cổ tức	36		(260.665.196.000)	(66.880.340.000)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		(249.852.007.649)	(125.603.039.159)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(210.192.012.502)	40.873.299.911
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		577.662.484.017	536.789.184.106
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	367.470.471.515	577.662.484.017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

	2011 VND	2010 VND
Phát hành cổ phiếu thưởng bằng thặng dư vốn và quỹ đầu tư phát triển	380.134.670.000	-
Cần trừ khoản phải thu với khoản chi đầu tư vào công ty con	-	5.000.000.000
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	-	13.848.944.240

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

15 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 2.076 nhân viên (31/12/2010: 2.034 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính này là các báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, nếu cần, trong các báo cáo tài chính này. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con và phát hành riêng các báo cáo này.

(b) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh công cụ tài chính

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hay trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính được thuyết minh theo Thông tư 210 không yêu cầu thuyết minh số liệu so sánh do việc áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 41 năm.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc trích lập hàng năm vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(s) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(t) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được ghi vào nguyên giá của tài sản này.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(w) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	39.616.249.203	37.070.633.556
Tiền gửi ngân hàng	210.488.738.232	203.783.533.884
Tiền đang chuyển	3.701.128.365	-
Các khoản tương đương tiền	113.664.355.715	336.808.316.577
	367.470.471.515	577.662.484.017

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 10.810 triệu VND (31/12/2010: 5.067 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các công ty con	111.851.774.089	62.729.107.307
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	623.228.259
Phải thu từ các bên thứ ba	207.837.408.618	213.998.696.492
	320.045.947.907	277.351.032.058

Các khoản phải thu không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí hoa hồng trả trước	43.434.893.278	55.843.353.770
Thu nhập tiền lãi phải thu	-	1.092.298.387
Các khoản cho vay (*)	2.116.867.671	7.081.051.026
Phải thu từ các công ty con	824.237.787	2.763.247.804
Phải thu từ cán bộ công nhân viên	10.865.879.179	12.499.149.208
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	-	13.848.944.240
Phải thu khác	1.693.966.459	1.776.698.372
	58.935.844.374	94.904.742.807

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 14% trong năm (2010: từ 0,7% đến 12,0%).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	4.587.387.069	3.161.536.852
Tăng dự phòng trong năm	-	3.516.567.725
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.024.142.994)	(2.090.717.508)
Số dư cuối năm	1.563.244.075	4.587.387.069

Số dư của các khoản phải thu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu này.

Tình trạng rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản phải thu tối đa khách hàng có thể có mà không cần sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc. Hạn mức tín dụng này được xem xét lại từng năm. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán trước khi được phép mua thêm. Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các khách hàng

Dựa trên tỷ lệ nợ xấu trước đây, Công ty tin rằng ngoài khoản lập dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu, sau khi trừ dự phòng:

	31/12/2011 VND
Nợ trong hạn	240.946.093.065
Quá hạn 0 – 30 ngày	78.675.959.972
Quá hạn 31 – 180 ngày	56.210.237.131
Quá hạn 181 – 365 ngày	1.322.943.145
Quá hạn trên 365 ngày	263.314.893
	377.418.548.206

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	84.006.950.234	50.952.551.152
Nguyên vật liệu	173.962.372.778	124.294.581.022
Sản phẩm dở dang	36.179.562.499	36.775.463.130
Thành phẩm	182.653.728.641	109.802.188.280
Hàng hóa	1.318.932.032	2.346.540.995
Hàng gửi đi bán	1.097.461.427	3.561.968.839
	479.219.007.611	327.733.293.418
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.474.880.662)	(2.965.968.111)
	474.744.126.949	324.767.325.307

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	2.965.968.111	4.844.824.822
Tăng dự phòng trong năm	1.508.912.551	-
Hoàn nhập	-	(1.878.856.711)
Số dư cuối năm	4.474.880.662	2.965.968.111

6. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.995.583.961	-
Thuế khác	98.775.395	110.460.634
	4.094.359.356	110.460.634

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	70.939.369.338	115.056.354.177	56.076.708.939	41.194.091.482	283.266.523.936
Tăng trong năm	3.694.500.208	25.479.937.940	4.664.466.692	8.441.138.968	42.280.043.808
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	42.946.270.808	21.275.879.887	16.270.339.136	3.695.388.826	84.187.878.657
Thanh lý	-	(2.282.439.836)	(3.671.194.655)	(1.022.857.285)	(6.976.491.776)
Xóa sổ	(94.652.940)	-	(21.579.545)	(29.462.857)	(145.695.342)
Số dư cuối năm	117.485.487.414	159.529.732.168	73.318.740.567	52.278.299.134	402.612.259.283
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.291.258.612	69.102.668.008	21.733.972.715	24.757.048.507	133.884.947.842
Khấu hao trong năm	9.096.125.344	19.826.950.595	10.024.158.928	6.096.509.088	45.043.743.955
Thanh lý	-	(2.261.421.344)	(2.455.463.954)	(1.002.489.566)	(5.719.374.864)
Xóa sổ	(94.652.940)	-	(17.982.900)	(29.462.857)	(142.098.697)
Số dư cuối năm	27.292.731.016	86.668.197.259	29.284.684.789	29.821.605.172	173.067.218.236
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	52.648.110.726	45.953.686.169	34.342.736.224	16.437.042.975	149.381.576.094
Số dư cuối năm	90.192.756.398	72.861.534.909	44.034.055.778	22.456.693.962	229.545.041.047

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 59.161 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 38.101 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	78.235.513.595	50.054.670.807	3.454.792.410	131.744.976.812
Tăng trong năm	27.854.936.063	-	2.192.826.645	30.047.762.708
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.540.241.968	-	2.540.241.968
Thanh lý	(2.332.256.000)	-	-	(2.332.256.000)
Số dư cuối năm	103.758.193.658	52.594.912.775	5.647.619.055	162.000.725.488
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	2.924.199.102	1.092.581.950	4.016.781.052
Khấu hao trong năm	-	1.116.013.749	702.986.951	1.819.000.700
Số dư cuối năm	-	4.040.212.851	1.795.568.901	5.835.781.752
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	78.235.513.595	47.130.471.705	2.362.210.460	127.728.195.760
Số dư cuối năm	103.758.193.658	48.554.699.924	3.852.050.154	156.164.943.736

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	7.632.452.186	5.262.347.125
Tăng trong năm	124.086.162.178	53.235.776.139
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(84.187.878.657)	(47.966.140.336)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.540.241.968)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.244.545)	(2.784.450.098)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(168.915.150)	-
Thanh lý	-	(115.080.644)
Số dư cuối năm	44.815.334.044	7.632.452.186

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	7.784.646.717
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.244.545
Số dư cuối năm	7.790.891.262
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.327.764.597
Khấu hao trong năm	646.826.304
Số dư cuối năm	1.974.590.901
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	6.456.882.120
Số dư cuối năm	5.816.300.361

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV DT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	3.000.000.000	3.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	2.550.000.000	2.550.000.000
▪ Công ty TNHH MTV A&G Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TOT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TG Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
	50.550.000.000	50.550.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.787.450.000	3.787.450.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	-	13.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
	23.787.450.000	37.287.450.000
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa – Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	11.901.050.200	11.901.050.200

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	17.201.479.225	4.674.007.476
Tăng dự phòng trong năm	9.865.491.090	12.527.471.749
Sử dụng dự phòng trong năm	(6.053.088.865)	-
Số dư cuối năm	21.013.881.450	17.201.479.225

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 cấp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Chi phí đất trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.203.952.171	19.098.383.271	21.302.335.442
Tăng trong năm	467.018.600	-	467.018.600
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	168.915.150	-	168.915.150
Phân bổ trong năm	(1.041.492.108)	(498.527.564)	(1.540.019.672)
Số dư cuối năm	1.798.393.813	18.599.855.707	20.398.249.520

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản vay từ nhân viên của Công ty (*)	21.115.601.324	12.802.412.973

(*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 1,10% đến 1,15% (2010: từ 0,55% đến 1,15%) trong năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

14. Phải trả thương mại

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả các công ty con	24.655.680.303	14.109.914.609
Phải trả các công ty liên kết	2.024.000.000	2.682.823.414
Phải trả các bên thứ ba	105.117.096.066	75.467.313.412
	131.796.776.369	92.260.051.435

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.181.296.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.545.114.513
Thuế thu nhập cá nhân	15.023.688.298	17.131.130.102
Các loại thuế khác	190.950.486	22.599.873
	15.214.638.784	34.880.141.307

16. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Giảm giá hàng bán	98.396.878.201	86.208.476.785
Chi phí khuyến mại	43.514.942.486	45.035.365.599
Chi phí hội thảo	1.863.306.378	16.128.505.475
Chi phí quảng cáo	35.256.582	2.015.111.870
Lãi vay phải trả	393.485.351	322.236.549
Các chi phí phải trả khác	7.513.279.094	8.983.329.562
	151.717.148.092	158.693.025.840

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết đại hội Cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	20.682.997.697	2.930.323.537	23.613.321.234
Phân bổ cho quỹ	41.375.186.813	9.307.227.636	50.682.414.449
Sử dụng quỹ	(26.909.453.369)	(10.072.754.936)	(36.982.208.305)
Số dư cuối năm	35.148.731.141	2.164.796.237	37.313.527.378

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	20.978.663.130
Trích lập dự phòng trong năm	18.010.880.436
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.524.617.966)
Số dư cuối năm	33.464.925.600

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập dựa trên số năm làm việc và mức lương hiện tại của nhân viên đó.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đóng 1.631 triệu VND (2010: 1.054 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	37.857.790.502
Sử dụng quỹ trong năm	(13.452.477.705)
Số dư cuối năm	24.405.312.797

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	65.176.429	651.764.290.000	26.912.962	269.129.620.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	38.013.467	380.134.670.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(3.040)	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ phát hành lại	-	-	2.030	91.350.000
Số dư cuối năm	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000

Vào tháng 7 năm 2011, 38.013.964 cổ phiếu thưởng đã được phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo nguyên tắc 1,4 cổ phiếu mới cho mỗi cổ phiếu hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông vào ngày 29 tháng 4 năm 2011.

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	2.171.896.449.439	1.811.920.751.984
▪ Hàng hóa đã bán	67.351.624.994	89.515.461.370
▪ Hàng khuyến mại	77.596.307.824	67.526.085.369
	2.316.844.382.257	1.968.962.298.723
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	(13.424.152.094)	(16.036.691.738)
Doanh thu thuần	2.303.420.230.163	1.952.925.606.985

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

22. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Thành phẩm đã bán	1.148.694.390.463	901.783.035.165
Hàng hóa đã bán	61.896.708.346	83.596.309.122
Hàng khuyến mãi	75.871.376.520	64.087.587.924
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.508.912.551	(1.878.856.711)
	1.287.971.387.880	1.047.588.075.500

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	36.793.083.524	32.599.682.666
Cổ tức	56.806.663.451	19.088.661.946
Lãi từ thanh lý công ty liên kết	6.053.088.865	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.951.709.656	3.873.106.888
	104.604.545.496	55.561.451.500

24. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	2.038.850.925	2.010.709.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.000.720.822	1.325.496.099
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	9.865.491.090	12.527.471.749
Chi phí tài chính khác	123.252.639	72.000.000
	17.028.315.476	15.935.677.592

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

25. Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	544.163.608	448.642.971
Thu từ thanh lý tài sản cố định	5.096.949.171	5.980.583.281
Thu nhập từ cho thuê đất và xe ô tô	2.214.007.507	3.384.331.008
Thu nhập khác	4.726.524.570	3.107.237.687
	12.581.644.856	12.920.794.947

26. Chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	3.592.969.557	5.083.021.883
Chi phí sửa chữa và thay thế tài sản hư hỏng	7.073.639.168	-
Thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	-	115.080.644
Chi phí thuê đất	-	1.674.253.578
Chi phí tài trợ các bệnh viện	-	1.808.227.452
Chi phí khác	4.149.547.925	734.084.328
	14.816.156.650	9.414.667.885

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản dự phòng	3.300.000.000	821.476.627

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện tại	53.621.237.575	45.689.142.228
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(2.478.523.373)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>51.142.714.202</u>	<u>45.689.142.228</u>

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	452.657.905.876	392.509.152.957
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	113.164.476.469	98.127.288.239
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.728.770.022	4.010.810.760
Thu nhập không chịu thuế	(14.201.665.863)	(4.772.165.487)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(50.548.866.426)	(51.676.791.284)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>51.142.714.202</u>	<u>45.689.142.228</u>

(d) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2014 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	401.515.191.674	346.820.010.729

(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành

	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.902.832	26.653.842
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2010	-	(1.754)
Ảnh hưởng của cổ phiếu tái phát hành tháng 6 năm 2010	-	1.185
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 7 năm 2010	-	125.342
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2010	-	(362)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4 năm 2011	188.356	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành tháng 8 năm 2011	38.013.467	38.013.467
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	65.104.655	64.791.720

29. Cổ tức

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 29 tháng 4 năm 2011 quyết định chia cổ tức của năm 2010 là 222.403 triệu VND bằng tiền mặt, trong đó bao gồm cổ tức giữa niên độ là 26.903 triệu VND đã trả trong năm 2010 (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 27 tháng 10 năm 2010) và cổ tức cuối năm là 195.500 triệu VND (30% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 22 tháng 7 năm 2011). Ngoài ra, cuộc họp Hội đồng Quản trị vào ngày 29 tháng 10 năm 2011 quyết định chia cổ tức giữa niên độ cho năm 2011 là 65.165 triệu VND (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 17 tháng 11 năm 2011).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các công ty con, công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các cán bộ điều hành.

Giao dịch chủ yếu với các công ty con và công ty liên kết

Ngoài số dư với các công ty con và các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con và công ty liên kết:

	2011 VND	2010 VND
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG		
Mua nguyên vật liệu	159.272.200.393	120.136.732.522
Bán nguyên vật liệu	21.501.146.055	42.973.033.299
Dịch vụ điện	1.244.291.235	1.314.017.906
Thu nhập cổ tức	30.768.088.413	10.682.806.665
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG		
Bán dịch vụ	1.126.363.637	1.477.727.273
Mua dịch vụ	49.792.331.192	28.765.406.888
Thu nhập cổ tức	3.562.568.220	672.166.938
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM		
Bán thành phẩm	30.551.626.446	25.876.144.699
Thu nhập cổ tức	2.605.280.202	1.571.946.445
Công ty TNHH MTV DT Pharma		
Bán thành phẩm	31.224.644.603	25.658.958.548
Bán hàng khuyến mãi	1.116.909.589	-
Thu nhập cổ tức	1.540.987.297	971.769.217
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT		
Bán hàng hóa và thành phẩm	38.988.959.661	32.215.147.246
Bán hàng khuyến mãi	908.486.641	-
Thu nhập cổ tức	2.198.353.689	1.086.525.116
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST		
Bán thành phẩm	33.839.161.629	28.295.038.411
Bán hàng khuyến mãi	962.160.297	-
Thu nhập cổ tức	1.640.259.217	612.194.250

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	2011 VND	2010 VND
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG		
Mua nguyên vật liệu	29.953.039.506	23.893.554.521
Bán nguyên vật liệu	2.589.462.678	1.949.269.534
Phí dịch vụ gia công	4.781.918.489	2.676.990.603
Dịch vụ cho thuê xe và nhà	931.175.895	1.136.636.925
Thu nhập cổ tức	5.016.358.269	1.266.787.537
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu		
Bán thành phẩm	69.148.868.850	53.472.211.140
Bán hàng hóa	43.002.059	913.955.339
Bán hàng khuyến mãi	1.855.396.124	-
Thu nhập cổ tức	765.000.000	-
Công ty TNHH MTV A&G Pharma		
Bán thành phẩm	88.867.892.926	82.010.669.138
Bán hàng khuyến mãi	2.318.736.875	2.521.263.939
Thu nhập cổ tức	5.090.917.289	1.019.253.478
Công ty TNHH MTV TOT Pharma		
Mua hàng hóa		178.719.610
Bán hàng khuyến mại	2.280.885.870	756.062.203
Bán hàng hóa	923.276.200	2.058.638.077
Bán thành phẩm	79.284.103.161	39.651.140.288
Mua hàng hóa	7.830.267.414	8.125.924.192
Thu nhập cổ tức	2.010.238.856	-
Công ty TNHH MTV TG Pharma		
Bán thành phẩm	33.222.732.930	20.127.647.485
Bán hàng khuyến mãi	1.059.571.773	-
Thu nhập cổ tức	593.053.899	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali		
Bán thành phẩm	15.328.841.623	-
Bán hàng hóa	275.724.307	-
Bán hàng khuyến mãi	457.815.629	-
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu	518.910.500	1.250.115.000
Thu nhập cổ tức	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo		
Mua nguyên vật liệu	11.863.000.000	8.319.400.000
Thu nhập cổ tức	526.820.000	451.560.000

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)****Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	2011 VND	2010 VND
Tiền lương	2.207.133.462	2.103.276.605
Thù lao	4.120.000.000	1.748.019.000
Thưởng	1.877.631.912	3.323.300.000
	8.204.765.374	7.174.595.605

31. Các cam kết**(a) Cam kết mua sắm tài sản**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	698.955.443.787	338.828.702.009
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	17.697.277.500	56.351.141.008
	716.652.721.287	395.179.843.017

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu đối với các hợp đồng thuê không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	1.109.637.000	2.828.559.996
Từ hai đến năm năm	858.500.000	4.156.810.442
	1.968.137.000	6.985.370.438

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

32. Tài sản/(nợ phải trả) thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.766	182.918
Phải thu khách hàng	91.257	-
Phải trả khách hàng	(3.336.160)	(87.659)
	(2.973.137)	95.259

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 VND
USD 1	21.036
EUR 1	27.670

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận tại ngày 31/12/2011 VND
USD (10% mạnh thêm) – giảm lợi nhuận thuần	(4.690.718.245)
EUR (2% mạnh thêm) – tăng lợi nhuận thuần	39.537.248
	(4.651.180.997)

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	982.468.214.335	763.599.883.878
Chi phí nhân công và nhân viên	475.629.667.994	377.571.662.056
Chi phí khấu hao và phân bổ	49.049.590.631	38.221.580.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.306.057.449	208.381.298.496
Các chi phí khác	88.824.615.935	96.893.486.056

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

15 tháng 3 năm 2012